TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 312/2019/HC-PT Ngày: 24 - 5 - 2019 V/v "Khiếu kiện quyết định thu hồi đất và quyết định giải quyết khiếu nại" .	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Phạm Công Mười

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 60/2019/TLPT-HC ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định thu hồi đất và quyết định giải quyết khiếu nại" .

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2018/HC- ST ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 468/2019/QĐ- PT ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Vũ Khắc H**,** sinh năm 1953

Địa chỉ: Số 151/47 đường T, phường H1, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Võ Thanh T1, luật sư thuộc Văn phòng luật sư Thanh T1, Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Thành T2- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số 02 đại lộ H2, phường T3, quận N, thành phố Cần Thơ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Chí K, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 56/8 đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2/ Ủy ban nhân dân quận N

3/ Chủ tịch Uỷ ban nhân dân quận N

Địa chỉ: Số 215 đường N1, phường A1, quận N, thành phố Cần Thơ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Văn Đ.

Địa chỉ: số 237 đường Nguyễn Văn C1, phường A2, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị N2**,** sinh năm 1953.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Khắc H. Giấy ủy quyền ngày 03/8/2018.

Địa chỉ: số 151/47 đường T, phường H1, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo*: Ông Vũ Khắc H là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai ngày 14/7/2018 người khởi kiện ông Vũ Khắc H trình bày: Năm 1988, ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H2 diện tích 240m^2 đất ở. Ngày 26/7/1989, ông Huỳnh Hữu Đ1 chuyển nhượng cho ông diện tích 180m^2 để cất nhà ở và làm kinh tế phụ gia đình. Tổng diện tích nhận chuyển nhượng là 420m^2 đất ở. Ngày 18/12/1993, Chi cục quản lý đất đai thành phố Cần Thơ cấp Giấy xác nhận số 1026/XN.DĐ.93 công nhận cho ông diện tích 23l m^2 đất thổ cư. Như vậy, so với diện tích nhận chuyển nhượng ban đầu là 420 m^2 đất ở thì ông đã bị cắt phần mặt tiền giáp đường T. Theo lược đồ giải thửa 1/2000 thì phần này nằm trong lộ giới đường T. Mặc dù trên giấy tờ ông đủ diện tích thổ cư theo giấy xác nhận nhưng thực tế phần đất thổ cư đã bị dịch chuyển lùi ra phía sau và phần mặt tiền đường T đã bị cắt đảm bảo lộ giới. Toàn bộ phần đất 69,8m^2 nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt QSDĐ) hiện bị thu hồi vẫn là đất thổ cư, nằm trong tổng diện tích 420m^2 thổ cư mà ông đã nhận chuyển nhượng trước đó, nên đủ điều kiện theo Luật đất đai là được bồi thường 69,8m^2 theo mục đích sử dụng ban đầu và trong quá trình sử dụng đất ổn

định từ năm 1988 đến nay.

Quyết định 6979 của Ủy ban nhân dân quận N xác định diện tích 69,8m^2 loại đất trồng cây lâu năm và áp giá bồi thường theo loại đất này là không đúng Luật đất đai và khoản 4 Điều 7 Nghị định 47 về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Các Quyết định 12622 và Quyết đinh 1014 đã bác đơn khiếu nại của ông H, bà N2 là không đúng quy định pháp luật.

Do đó, ông Vũ Khắc H khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định 6979/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất và hủy toàn bộ các Quyết định 12622/QĐ-UBND ngày 09/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, Quyết định 1014/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N có Công văn số 2878/UBND-TD ngày 27/7/2018 trình bày ý kiến:

Nguồn gốc đất của ông H nhận chuyển nhượng thành quả lao động năm 1987 được Chi cục quản lý đất đai thành phố Cần Thơ xác nhận được quyền sử dụng diện tích 231 m^2 loại đất ở. Ngày 05/8/2002, ông Vũ Khắc H và bà Lê Thị N2 được Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401141399, diện tích 23l m^2, thửa số 86, tờ bản đồ 57, loại đất ở. Do đó, nguồn gốc và tính pháp lý đất được Nhà nước công nhận là 231 m^2 thổ cư; Phần diện tích trong lộ giới và ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H chưa chứng minh hồ sơ được Nhà nước công nhận là đất thổ cư. Căn cứ tại Khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013, Điểm a Khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP diện tích nằm trong lộ giới không đủ điều kiện được xác định là đất ở. Mặt khác, theo sổ mục kê năm 1997 ông H đang sử dụng 02 thửa đất gồm: Thửa số 86 diện tích 23 l m^2 và thửa 293 diện tích 126 m^2 đất trồng cây lâu năm. Căn cứ vào khoản 6 Điều 103 Luật đất đai 2013 và xét về nguồn gốc sử dụng đất, phần đất nằm trong lộ giới của ông H đang sử dụng là đất trồng cây lâu năm. Do đó, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định 6979 thu hồi phần đất của ông H, bà N2 với diện tích đo đạc thực tế là 129,6m^2. Trong đó, phần diện tích 69,8m^2 nằm trong lộ giới đường T xác định đất cây lâu năm là đúng quy định. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C có văn bản trình bày ý kiến:

Phần đất của ông Vũ Khắc H và bà Lê Thị N2 bị thu hồi được thể hiện theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 30/5/2017 do Công ty TNHH L1 thực hiện thì tổng diện tích đất trong phạm vi ranh giới giải phóng mặt bằng của ông Vũ Khắc H và bà Lê Thị N2 là 129,6m^2. Diện tích trong được cấp giấy chứng nhận QSDĐ là 59,8m^2 loại đất ODT và 69,8m^2 nằm ngoài giấy chứng nhận QSDĐ là loại đất trồng cây lâu năm. Qua kiểm tra hồ sơ nhận thấy rằng, diện tích 69,8m^2 nằm ngoài giấy của ông H là thuộc phạm vi lộ giới, không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận QSDĐ tại thời điểm cấp giấy vào năm 2002. Căn cứ Khoản 1 Điều 75 và Khoản 4 Điều 82 Luật đất đai năm 2013 thì không đủ điều kiện được bồi thường. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân quận N căn cứ điểm d, Khoản 2, Điều 83 Luật đất đai năm 2013, Điều 25 Nghị đinh 47/2014/NĐ-CP và khung chính sách đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt để hỗ trợ theo giá đất trồng cây lâu năm là phù hợp với quy định và có lợi cho ông Vũ Khắc H và bà Lê Thị N2. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định 1014/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 bác yêu cầu khiếu nại của ông H là đúng quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N2 trình bày: Thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2018/HC-ST ngày 04 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Khắc H về việc: Yêu cầu hủy một phần Quyết định 6979/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất và yêu cầu hủy toàn bộ các Quyết định 12622/QĐ-UBND ngày 09/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, Quyết định 1014/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/10/2018, ông Vũ Khắc H kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị sửa một phần án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bồi thường 69,8m^2 là đất ở đô thị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ Khắc H vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung nêu trên.

Tại phiên tòa người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày:

Yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông H có cơ sở. Bản án sơ thẩm xác định cơ sở thu hồi 69,8m^2 đất trồng cây lâu năm vì không có giấy tờ chứng minh là đất thổ cư là không đúng, nhận định không toàn diện. Hồ sơ xin chuyển nhượng đất của ông H2, ông Đ1 cho ông H ghi đất là để xây dựng nhà ở. Luật đất đai 1988 không phân chia đất thổ cư là không đúng. Đất xây dựng cất nhà ở là đất khu dân cư (hiện nay là đất thổ cư). Xác nhận Chi Cục quản lý đất đai năm 1993, ông H xin xác nhận 421m^2 là đất thổ cư, đã cấp 231m^2 là đất thổ cư giáp mặt tiền đường T. 69,8m^2 nằm trong 231m^2 đất thổ cư. Sau năm 1993 và đến năm 2002, ông H hợp 2 thửa đất xin đăng kí hợp thức hóa, 412m^2 đất thổ cư có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường H1, hồ sơ hợp lệ đủ điều kiện cấp giấy, có tờ khai xác nhận mốc thời gian sử dụng đất. Biên bản xác định ranh giới, mốc giới, xác định dời đất thổ cư. Bản án sơ thẩm chưa đánh giá đầy đủ chứng cứ, đề nghị hội đồng xét xử xem xét nguồn gốc đất.

Bút lục 123 ngày 24/8/2017, trước thời điểm năm 1995 đường T, không có đường các hộ chừa đường cắt trừ lộ giới. 69,8m^2 cất nhà ở xây dựng các vật kiến trúc, có một phần là nhà ở, kiến trúc sử dụng từ năm 1989 đến nay.

Tờ tường trình nguồn gốc ông H không ghi rõ mục đích sử dụng đất, chỉ ghi diện tích đất thu hồi. Căn cứ vào Điều 8 Luật đất đai năm 1988, khoản 2 Điều 11 Luật đất đai năm 2013, khoản 3 Điều 7 Nghị định 47/CP thì có 13 hộ mua đất của ông H2, 7 hộ được xem xét điều chỉnh, 6 hộ không được điều chỉnh theo các bút lục 121, 122, 123 đã điều chỉnh từ cây lâu năm sang đất thổ cư, như vậy việc bồi thường trên tạo ra sự không công bằng an tâm cho người dân có đất bị thu hồi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện ông Đ trình bày: Ông H không cung cấp được giấy tờ chuyển nhượng đất thổ cư, chứng minh đất mua của ông H2 và ông Đ1 là đất thổ cư. Đất chuyển nhượng ghi 2 loại đất khác nhau. Có một số hộ được bồi thường đất thổ cư do Nhà nước cấp cho họ giấy chứng nhận là đất ở nên Nhà nước phải bồi thường cho các hộ dân là đất ở khi thu hồi đất. Hồ sơ chuyển nhượng của ông H bị thất lạc. Nhưng căn cứ vào các giấy tờ của các hộ khác sống gần ông H còn lại đã thể hiện việc chuyển nhượng không phải hoàn toàn là đất ở, Nhà nước chỉ cấp 231m^2 đất ở cho ông H, sau đó dịch chuyển đất ở vào phía trong nên không có cơ sở để bồi thường 69,8m^2 là đất ở.

Người bảo vệ *quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện ông K trình bày:* Vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong văn bản 3750 ngày 06/11/2018. Nguồn gốc đất ông H chuyển nhượng là đất nông nghiệp, khi đăng ký cấp giấy chứng nhận Chi Cục quản lý đất đai đã cấp cho ông H 231m^2 đất ở do vậy khi cấp đổi giấy chứng nhận Ủy ban đã cấp cho ông H 231m^2 đất ở trong khi đó hạn mức đất ở chỉ quy định là 150m^2 do ông H đã được cấp 231m^2 đất ở trước đó nên vẫn cấp cho ông H đủ 231m^2 đất ở. Ủy ban đã xem xét bồi thường là có lợi cho ông H. 7 hộ được Nhà nước khi cấp giấy là đất ở nên khi thu hồi đất của họ, Nhà nước đã bồi thường là đất ở.

Người bảo vệ cho người khởi kiện trình bày: Năm 2000, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ mới quy định lại diện tích hạng mục đất, người dân đã sử dụng đất thổ cư nhiều hơn thì vẫn phải công nhận. Ông H mua đất để cất nhà ở phù hợp với quy định là đất thổ cư.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về kháng cáo của ông Vũ Khắc H: Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, ông H mua đất của ông H2 để xây dựng nhà ở. Năm 1993, Chi cục quản lý đất đai cấp 231m^2 đất đô thị. Năm 2002 ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 231m^2 đất ở. Phần đất ông H bà N2 bị thu hồi theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc là 129,6m^2. Diện tích trong giấy chứng nhận 59,7m^2 đất ở. Diện tích ngoài giấy chứng nhận 69,8m^2 là đất trồng cây lâu năm. Diện tích 69,8m^2 thuộc phạm vi lộ giới không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận từ năm 2002, gia đình ông H không được cấp diện tích này cũng không có ý kiến gì. Tại bút lục 52 ông Hđ ã ghi 69,8m^2 là đất trồng cây lâu năm chưa được cấp giấy chứng nhận. Ủy ban nhân dân quận N áp giá hỗ trợ theo giá đất trồng cây lâu năm phù hợp đảm bảo quyền lợi của ông H. Quyết định 6979 được ban hành đúng quy định pháp luật. Quyết định 12622, Quyết định 1014 giải quyết khiếu nại lần đầu và lần hai đối với Quyết định 6979 là có căn cứ đúng quy định pháp luật. Án sơ thẩm đã bác đơn khởi kiện của ông H là đúng pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem

xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật* : Ông Vũ Khắc H khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết đinh số 6979/QĐ- UBND ngày 23/6/2017 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất và hủy toàn bộ các Quyết định số 12622/QĐ-UBND ngày 09/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, Quyết định số 1014/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc giải quyết khiếu nại lần hai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Theo quy định tại Điều 30 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính, Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Khắc H, đề nghị sửa một phần án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bồi thường 69,8m^2 là đất ở đô thị.

[2.1] *Đối với yêu cầu hủy một phần Quyết đinh 6979/QĐ- UBND ngày 23/6/2017 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất (Quyết định 6979):*

[2.1.1] Về thẩm quyền ban hành: Quyết định 6979 do Ủy ban nhân dân quận N ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013.

[2.1.2] Về trình tự, thủ tục ban hành: Trước khi ban hành Quyết định thu hồi đất, Ủy ban nhân dân quận N có ra thông báo thu hồi đất, tiến hành đo đạc kiểm điểm về đất, công trình, cây trồng trên đất và có phương án về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Trên cơ sở Kế hoạch sử dụng đất của quận N đã được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phê duyệt và Tờ trình số 953/TTr- PTNMT ngày 15/6/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định thu hồi đất là đúng trình tự thủ tục quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

[2.1.3] Về nội dung: Quyết định 6979 có nội dung thu hồi phần đất đo đạc thực tế là 129,6m^2 của ông H, bà N2. Trong đó, có 59,8m^2 loại đất ODT nằm trong Giấy chứng nhận QSDĐ được cấp và 69,8m^2 loại đất trồng cây lâu năm chưa được công nhận trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông H không đồng ý với Quyết định 6979 ở nội dung xác định diện tích thu hồi 69,8m^2 là loại đất trồng cây lâu năm.

Qua các tài liệu thể hiện trong hồ sơ cho thấy, ngày 22/12/1988 ông

Nguyễn Văn H2 có đơn xin chuyển nhượng phần đất có diện tích 840m^2 (dài 60m, rộng 16m) cho ông Vũ Khắc H, Lưu Quang T4, Trương Mạnh H3 và Vũ Xuân H4. Ông H cho rằng, đây là giấy bán đất chung của ông H2 cho ông và các anh em của ông. Trong đó, phần ông H2 bán cho ông là 240m^2. Sau đó, ông H2 có lập Tờ hợp đồng chuyển nhượng kết quả lao động cho ông nhưng hiện nay đã thất lạc. Mặt khác, qua quá trình xác minh người bị kiện cũng xác định diện tích ông H2 chuyển nhượng cho ông H là 240m^2 nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận diện tích này. Ngày 26/7/1989 ông Huỳnh Văn Đ1 có đơn xin chuyển nhượng cho ông Vũ Khắc H *"diện tích 180m^2 phần nối tiếp để cất nhà ở và làm kinh tế phụ gia đình"* được Phường H1 xác nhận ngày 29/7/1989. Như vậy, tổng diện tích ông H nhận chuyển nhượng 02 lần là 420m^2 và phần đất mua của ông H2 tiếp giáp đường T hiện tại và phần mua của ông Đ1 là phần tiếp giáp phía sau.

Ngày 18/12/1993, ông H được Chi cục Quản lý đất đai Cần Thơ cấp Giấy xác nhận số 1026/XN.ĐĐ.93 diện tích 231 m^2, loại đất thổ cư. Ngày 25/4/2002 ông H có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất. Ngày 05/8/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401141399, diện tích 231 m^2 đất ở. Ông H được cấp thửa 293 diện tích 126m^2 đất trồng cây lâu năm. Như vậy, so với tổng diện tích nhận chuyển nhượng 420m^2 thì ông H bị cấp thiếu 63m^2. Tuy nhiên, ông H không khiếu nại gì về diện tích cấp thiếu này. Ông H cho rằng phần đất này thuộc phạm vi lộ giới đường T bị trừ ra lúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông năm 1993. Qua đo đạc thực tế thì phần đất này có diện tích 69,8m^2.

Ông H cho rằng, diện tích 69,8m^2 tuy nằm ngoài giấy nhưng vẫn là đất của ông và có nguồn gốc nằm trong diện tích 420m^2 ông nhận chuyển nhượng của ông H2 và ông Đ1 nên là loại đất thổ cư chứ không phải đất trồng cây lâu năm.

Căn cứ vào đơn xin chuyển nhượng đất ngày 22/12/1988, ông H2 chuyển nhượng cho ông H diện tích đất để cất nhà ở nhưng không ghi loại đất chuyển nhượng là gì. Trong khi đó, tại phần xác nhận của chính quyền địa phương như sau: *"ông Nguyễn Văn H 2thường trú 80/8 đường T5 là phần sở hữu chủ phần đất hoa màu".* Và Đơn xin chuyển nhượng ngày 26/7/1989 ông Huỳnh Văn Đ1, chỉ ghi diện tích chuyển nhượng là 180m^2 cho ông H để cất nhà ở. Tuy nhiên, không ghi loại đất chuyển nhượng là gì và khi Ủy ban nhân dân phường H1 xác nhận việc chuyển nhượng giữa các bên cũng không xác định loại đất, thuận cho

chuyển nhượng. Mặt khác, thời điểm chuyển nhượng ông H2 và ông Đ1cũng không có giấy tờ gì để chứng minh phần đất ông chuyển nhượng là loại đất thổ cư. Trong khi, ngày 18/12/1993 ông H được Chi cục Quản lý đất đai CầnThơ cấp Giấy xác nhận số 1026/XN.ĐĐ.93 diện tích 231 m^2, loại đất thổ cư. Ông H cũng không khiếu nại hay có ý kiến gì.

Đến ngày 25/4/2002 ông H có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, tổng diện tích là 412m^2, loại đất thổ cư. Tại phần xác nhận của Ủy ban nhân dân phường H1 ngày 09/5/2002, có ghi nhận *"Về hiện trạng đất đai và tài sản: Đăng ký nhà đất ở (412m^2 thổ cư); Về nguồn gốc đất đai và tài sản: Chi Cục quản lý đất đai cấp ngày 18/12/1993 (231 m^2 thổ cư)"*. Điều này thể hiện, ông H có đơn đăng ký, tự kê khai là 412m^2 đất thổ cư nhưng xét về nguồn gốc đất thì chỉ được xét duyệt cấp là 231 m^2 thổ cư; Căn cứ vào sổ mục kê (Bút lục số 54) phần đất thổ cư của ông H đăng ký tại thửa 86 là 231 m^2. Đến ngày 01/7/2002 ông Vũ Khắc H đã trước bạ diện tích 231 m^2 đất thổ cư. Như vậy, mặc dù, ông H có các giấy tờ về quyền sử dụng đất quy đinh tại Điểm b Khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 cụ thể là hợp đồng chuyển nhượng và bán kết quả lao động và đầu tư nên theo Khoản 2 Điều 11 Luật đất đai năm 2013 việc xác định loại đất thu hồi là căn cứ vào các giấy tờ này. Tuy nhiên, ông H, bà N2 không cung cấp được chứng cứ chứng minh diện tích 69,8m^2 nằm ngoài giấy có nguồn gốc là đất thổ cư. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông H xác định diện tích 69,8m^2 nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là loại đất thổ cư là có căn cứ.

Hơn nữa, tờ tường trình nguồn gốc đất ngày 15/11/2016 của ông H(Bút lục 52), ông H đã nêu phần diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất ở 59,8 m^2; phần diện tích chưa được cấp giấy chứng nhận là đất LNK 69,8 m^2, sử dụng ổn định không tranh chấp, không lấn chiếm.

Biên bản ngày 29/5/2017 về việc đo đạc, kiểm đếm đất, nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi… (Bút lục 45-49) thể hiện 69,8m^2 là diện tích lề lộ+ lộ giới, ông H có ký tên vào biên bản.

[2.2] Đối với yêu cầu hủy *Quyết định số 12622/QĐ-UBND ngày 09/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N và Quyết định số 1014/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C:*

[2.2.1] Về thẩm quyền ban hành: Quyết định số 12622, Quyết định 1014 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 và khoản 2

Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2.3] Về trình tự, thủ tục ban hành: Trước khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N có giao Phòng Tài nguyên và Môi trường quận N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường xác minh nội dung khiếu nại và tiến hành đối thoại là đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 38, Điều 39 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2.3] Về nội dung: Quyết định 12622 có nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Vũ Khắc H đối với Quyết định 6979 về việc xác định loại đất thu hồi 69,8m^2 là đất trồng cây lâu năm. Các chứng cứ ông H đưa ra không đủ cơ sở để xác định 69,8m^2 là đất ở đô thị nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định 12622 bác đơn khiếu nại của ông H, giữ nguyên Quyết định 6979 là phù hợp. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định 1014 giải quyết khiếu nại lần hai, có nội dung bác yêu cầu khiếu nại của ông H, công nhận Quyết định 12622 là đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, đúng pháp luật. ông H kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm: Ông H được miễn do người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, Khoản 1 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của ông Vũ Khắc H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2018/HC-ST ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Khắc H về việc yêu cầu hủy một phần Quyết đinh số 6979/QĐ- UBND ngày 23/6/2017 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất và hủy toàn bộ các Quyết định số 12622/QĐ-UBND ngày 09/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, Quyết định số 1014/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

Về án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm: Ông Vũ Khắc H được miễn án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC (1)
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND thành phố Cần Thơ (1);
- VKSND thành phố Cần Thơ (1);
- Cục THADS thành phố Cần Thơ (1);
- Đương sự (4)
- Lưu VP (3), HS (2), (14b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương